TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19 /**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 3 – 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Ông Trần Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 142/C3, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1965

Nơi cư trú cuối cùng: 142/C3, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D và ông L đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông L quen biết, tìm hiểu nhau được 02 (hai) năm rồi vợ chồng tự nguyện kết hôn và được UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/1988. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà D.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại số nhà 142/C3, ấp Đ xã G 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống được 01 năm (đến năm

1989) thời điểm bà D có thai cháu L thì ông L nói đi làm và bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Bà L và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức của ông L vì vậy bà D đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông L mất tích. Tại Quyết định số 02/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thống Nhất đã tuyên bố ông L mất tích. Kể từ thời điểm Toà án tuyên bố ông L mất tích thì ông L vẫn không trở về.

Nay bà D xác định đã hết tình cảm với ông L nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Quang L, sinh ngày: 12/6/1990. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Ý kiến trình bày của bị đơn ông Bùi Văn L:*** Ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

* Tại biên bản xác minh ngày 09/12/2022 tại Công an xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất cung cấp thông tin như sau: Ông Bùi Văn L từ năm 1989 đến nay đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì. Về mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông L thì địa phương không nắm được do không nhận được đơn trình báo.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên nguyên đơn bà D có "Đơn xin xét xử vắng mặt", đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội D vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Bùi Văn L; Về con chung: Con chung là cháu Bùi Nguyễn Quang L, sinh ngày: 12/6/1990 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu "*Ly hôn*", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn*". Bị đơn ông Bùi Văn L có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng là 142/C3, ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Bùi Văn L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/8/1988. Căn cứ các Điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân của bà D và ông L là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông L đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì từ năm 1989 cho đến nay và đã được Toà án nhân dân huyện Thống Nhất tuyên bố mất tích. Bà D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự 02/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thống nhất đã tuyên bố ông Bùi Văn L mất tích. Như vậy, bà D yêu cầu ly hôn trong trường hợp người chồng bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng bà D, ông L có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Quang L, sinh ngày: 12/6/1990 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 56, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D về việc "*Ly hôn*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Bùi Văn L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là anh Bùi Nguyễn Quang L, sinh ngày: 12/6/1990 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Bùi Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2 (số 262/1988);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan